

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2022/HNGĐ- ST

Ngày: 22 - 02 - 2022

V/v: “*Ly hôn và chia tài sản
chung của vợ chồng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Lam

2. Bà Trần Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Đoan Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang-Tháp Chàm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 296/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021 về việc: “*ly hôn và chia tài sản chung của vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2021/QĐXX-ST ngày 09 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐXX-ST ngày 06 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐXX-ST ngày 26 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1962

Địa chỉ: Khu phố 10, phường M, thành phố P, tỉnh N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Tuyết T - Văn phòng luật sư Duy Phước;

Địa chỉ: Lô TM -11.10, khu đô thị Đ, phường B, thành phố P, tỉnh N.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965

Địa chỉ: Khu phố 10, phường M, thành phố P, tỉnh N.

(Nguyên đơn ông Hoàng Văn L và bị đơn bà Nguyễn Thị N có mặt tại phiên tòa; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tuyết T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn ông Hoàng Văn L trình bày:* Ông và bà Nguyễn Thị N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996 vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh N. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại khu tập thể trung tâm văn hóa Chăm. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu nhưng đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng trong sinh hoạt và cuộc sống do đó đến năm 2013 ông và con gái lớn phải đi thuê nhà ở và sống ly thân cho đến nay. Hiện nay, vợ chồng không còn sống chung, không quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống.

Nay ông xác định không còn tình cảm với bà Nguyễn Thị N nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Hoàng Hà P, sinh năm 1997 và Hoàng Lan A, sinh năm 2001. Hiện nay, các con đã trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân được nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có tạo lập khối tài sản chung gồm: 01 lô đất có diện tích 89,3m² tọa lạc tại vị trí 4/1 lô số 34 đường B6, khu phố 5, phường B, thành phố P, tỉnh N và 01 căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích đất 100m² đất tại khu tái định cư Sân vận động thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ QH phường M, thành phố P, tỉnh N.

Nguồn gốc của tài sản chung là tiền bán căn hộ chung cư đứng tên Nguyễn Thị N, tuy nhiên tiền mua căn hộ chung cư này là tài sản chung của vợ chồng. Còn nguồn gốc thửa đất số 37, tờ bản đồ QH, có diện tích 89,3m tại phường B là do ông và bà Nguyễn Thị N cùng nhận chuyển nhượng của ông Bùi Sỹ D vào ngày 19/10/2009.

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ kiện cho đến phiên hòa giải ngày 06/12/2021, ông Hoàng Văn L yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia căn

nhà cấp 04 tại khu phố 10, phường M, thành phố P cho bà Nguyễn Thị N được quyền sở hữu còn ông yêu cầu được nhận thửa đất 37, tờ bản đồ QH, có diện tích 89,3m² tại phường B để làm nhà ở sinh sống lúc tuổi già.

Tuy nhiên tại đơn gửi đến Tòa án nhân dân thành phố P đề ngày 17/02/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn ông Hoàng Văn L tự nguyện xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng; xác định chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

Về nợ chung: Ông Hoàng Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chi phí định giá tài sản: Ông Hoàng Văn L đồng ý chịu toàn bộ chi phí định giá tài sản với số tiền là 800.000đ (*Tám trăm nghìn đồng*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tuyết T không trình bày ý kiến.

- *Tại bản khai, đơn yêu cầu phản tố, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị N trình bày:* Vợ chồng bà tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau năm 1996. Trong cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc. Năm 1999 bà có nộp đơn ly hôn ông Hoàng Văn L tại Tòa án nhưng sau đó được thẩm phán hòa giải nên vợ chồng quay về chung sống với nhau. Đến năm 2013 thì vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, ông Hoàng Văn L và con gái lớn dọn ra thuê nhà ở riêng nên vợ chồng đã sống ly thân từ 2013 cho đến nay. Bà xác định không còn tình cảm với ông Hoàng Văn L. Nay ông Hoàng Văn L yêu cầu ly hôn thì bà cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Hoàng Hà P, sinh năm 1997 và Hoàng Lan A, sinh năm 2001. Hiện nay các con đã trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân được nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không đồng ý với yêu cầu chia tài sản chung của ông Hoàng Văn L và có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án xác định các tài sản bao gồm 01 lô đất có diện tích 89,3m² tọa lạc tại vị trí 4/1 lô số 34 đường B6, khu phố 5, phường B, thành phố P, tỉnh N và 01 căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích 100m² đất tại khu tái định cư Sân vận động thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ QH phường M, thành phố P, tỉnh N mà ông Hoàng Văn L yêu cầu phân chia đều là tài sản riêng do bà tạo lập và nguồn gốc hình thành tài sản là từ nguồn thu nhập riêng của bà nên bà yêu cầu Tòa án xét xử hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số 01262 QSDĐ – CMND số 264111537 do UBND thị xã Phan Rang – Tháp Chàm cấp cho ông Bùi Sỹ D ngày 03/11/2004 đối với phần chuyển nhượng cho ông Hoàng Văn L và bà Nguyễn Thị N theo hợp đồng số 157, quyền số 01, chứng thực ngày 19/10/2009, do phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố P chính lý ngày 04/11/2009.

Tại đơn gửi đến Tòa án nhân dân thành phố P đề ngày 18/02/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị N xác định: Do ông Hoàng Văn L đã rút lại phần yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nên bà cũng xin rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố. Nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung thì bà sẽ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát thành phố P, tỉnh N phát biểu:*

-Về thủ tục tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp, tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa hôm nay, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tuyết T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

-Về phần nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Hoàng Văn L và bà Nguyễn Thị N; Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của ông Hoàng Văn L và yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Ly hôn và chia tài sản chung của vợ chồng*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường M, thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Tại phiên tòa hôm nay, bà Huỳnh Thị Tuyết T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: ông Hoàng Văn L và bà Nguyễn Thị N chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố P. Theo giấy chứng nhận kết hôn số: 21, quyền 01/1996 ngày 13/07/1996 của Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P. Đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Tại biên bản hòa giải ngày 06/12/2021 và tại phiên tòa hôm nay, ông Hoàng Văn L và bà Nguyễn Thị N xác nhận vợ chồng đã sống ly thân từ 2013 cho đến nay, không còn tình cảm yêu thương nhau, mạnh ai nấy sống; Vì vậy, hai bên đều đồng ý thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Hoàng Văn L và bà Nguyễn Thị N đã thật sự gay gắt làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn của ông Hoàng Văn L và bà Nguyễn Thị N là phù hợp với Điều 55, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Ông Hoàng Văn L và bà Nguyễn Thị N đều xác nhận các con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do ông Hoàng Văn L đã rút lại yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và bà Nguyễn Thị N đã xin rút lại yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của ông Hoàng Văn L và yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị N.

[2.4] Về nợ chung: Ông Hoàng Văn L và bà Nguyễn Thị N đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập tới.

[3] Về chi phí định giá tài sản: Nguyên đơn ông Hoàng Văn L đồng ý chịu toàn bộ khoản tiền chi phí định giá tài sản là 800.000đ (*Tám trăm nghìn đồng*). Đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Hoàng Văn L và bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phần yêu cầu chia tài sản chung của ông Hoàng Văn L và yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị N nên số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) sẽ được hoàn trả lại cho ông Hoàng Văn L và số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) sẽ được hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị N.

[5] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; điều 55, điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Hoàng Văn L và bà Nguyễn Thị N;

[2] Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử phần yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng đối với nguyên đơn ông Hoàng Văn L và yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị N. Ông Hoàng Văn L và bà Nguyễn Thị N có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại việc chia tài sản chung của vợ chồng bằng một vụ kiện khác.

[3] Về chi phí định giá tài sản: Nguyên đơn ông Hoàng Văn L đồng ý chịu toàn bộ chi phí định giá tài sản với số tiền là 800.000đ (*Tám trăm nghìn đồng*). Ông Hoàng Văn L đã nộp đủ chi phí định giá tài sản.

[4] Về án phí sơ thẩm: Ông Hoàng Văn L đồng ý chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) ông Hoàng Văn L đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0014315, ngày 18/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Hoàn lại cho ông Hoàng Văn L 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền chênh lệch;

Hoàn lại cho ông Hoàng Văn L số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm về yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng mà ông Hoàng Văn L đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0015347, ngày 29/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm về yêu cầu phản tố mà bà Nguyễn Thị N đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0025635, ngày 15/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[5] Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, có mặt nguyên đơn ông Hoàng Văn L và bị đơn bà Nguyễn Thị N, quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*Ngày 22/02/2022*).

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. Phan Rang- TC;
- CC THADS TP. Phan Rang-TC;
- Các đương sự;
- UBND phường H;
- (GCNKH số: 21, quyển số: 01/1996
Ngày 13/7/1996).
- Lưu HS + Án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Hồng